

PHỎNG VẤN HEMINGWAY

A. E. Hotchner

Năm 1958, tại Ketchum, theo lời mời của cha cố O' Conner, Hemingway trả lời phỏng vấn của 40 học sinh trung học. Bài phỏng vấn do A. E. Hotchner thực hiện. Nhan đề do chúng tôi tự đặt.

Hỏi: Thưa ông Hemingway, ông bắt đầu viết sách như thế nào?

Trả lời: Tôi luôn muốn viết. Tôi viết trên giấy học trò, việc đầu tiên của tôi là viết. Sau khi học xong trung học, tôi đến thành phố Kansas làm việc ở báo Ngôi sao. Đó là công việc báo chí bình thường: Ai bắn ai? Ai đập phá cái gì? ở đâu? Khi nào? Ra làm sao? Nhưng không bao giờ có tại sao. Thực sự không hề có tại sao.

Hỏi: Về quyển Chuông nguyện hồn ai - tôi biết ông đang ở Tây Ban Nha, nhưng ông làm gì ở đó?

Trả lời: Tôi đến đó để lấy tin tức về cuộc nội chiến Tây Ban Nha cho liên đoàn báo chí Bắc Mỹ. Tôi đưa mấy chiếc xe cứu thương về phía cộng hòa.

Hỏi: Tại sao lại về phía cộng hòa?

Trả lời: Tôi thấy sự khởi đầu của nền cộng hòa. Tôi đã ở đó khi vua Alfonso thoái vị và chứng kiến nhân dân viết bản hiến pháp của mình. Đó là nước cộng hòa cuối cùng được thành lập ở châu Âu, tôi tin tưởng vào thể chế ấy. Tôi tin phe cộng hòa sẽ thắng trong cuộc chiến này và sẽ có một nước cộng hòa tốt ở Tây Ban Nha ngày nay. Mọi người đều tham gia vào cuộc chiến ấy, nhưng biết rõ những người Tây Ban Nha, tôi tin là nước cộng hòa sẽ tống khứ hết những gì không phải là Tây Ban Nha đi khi chiến

tranh kết thúc. Họ không muốn bất kỳ kẻ nào khác xen vào công việc của họ.

Hỏi: Học vấn chính thức của ông là gì?

Trả lời: Tôi tốt nghiệp trung học Oak Park - ở Illinois ấy mà. Rồi thay vì tiếp tục đi học tôi lại tham gia chiến tranh. Khi tôi từ chiến trường trở về thì đã quá muộn để đi học. Ngày ấy chưa có G. I. Bill.

Hỏi: Khi bắt đầu một cuốn sách, chẳng hạn như Ông già và biển cả, ông đã thu thập ý tưởng như thế nào?

Trả lời: Tôi biết người đàn ông với một con cá trong hoàn cảnh như thế. Tôi biết chuyện đã xảy ra trong một con thuyền trên biển và chuyện đánh nhau với con cá. Nên tôi đưa người đàn ông mà tôi biết đã hai mươi năm ấy vào và tưởng tượng ông ta trong những tình huống ấy.

Hỏi: Ông đã phát triển phong cách viết của mình như thế nào - có phải ông làm thế để bán, để sáng tạo theo yêu cầu của độc giả?

Trả lời: Nếu tôi có thể diễn đạt một cách đầy đủ mọi việc thực sự như thế nào thì việc sáng tạo thường xuyên là rất khó, tôi viết vụng và cái vụng ấy người ta gọi là phong cách của tôi. Tất cả những lấm lẩn và vụng về đều dễ nhìn thấy, và họ gọi đó là phong cách.

Hỏi: Ông viết một quyển sách bao lâu?

Trả lời: Điều đó tùy thuộc vào quyển sách và sự tiến triển của nó. Một quyển sách hay có khi phải mất đến một năm rưỡi.

Hỏi: Ông làm việc mấy tiếng một ngày?

Trả lời: Tôi dậy lúc sáu giờ và cố không làm việc quá mười hai giờ.

Hỏi: Mười hai giờ đêm?

Trả lời: Mười hai giờ trưa.

Hỏi: Ông đã bao giờ thất bại chưa?

Trả lời: Anh thất bại mỗi ngày nếu anh không tiến hành tốt. Khi viết lần đầu tiên anh không bao giờ thất bại. Anh nghĩ thật

tuyệt vời và đây là thời điểm tốt của anh. Anh cho rằng mình viết tốt và thú vị về điều đó rất nhiều nhưng đây là anh tự nghĩ thế chứ không phải người đọc. Người đọc không hứng thú lắm đâu. Sau này khi anh biết là phải viết cho người đọc thì không còn dễ nữa. Thực tế khi cuối cùng anh nhớ lại bất cứ cái gì mình đã viết thì anh sẽ thấy việc viết lách khó khăn đến nhường nào.

Hỏi: Khi ông còn trẻ và mới viết lần đầu, ông có sợ phê bình không?

Trả lời: Chẳng có gì phải sợ cả. Khi mới bắt đầu viết tôi không kiếm ra tí tiền nào cả, chỉ cố hết sức viết cho thật hay. Tôi tin vào những gì mình viết - nếu họ không thích nó, thì đấy là lỗi của họ; sau này họ sẽ học để thích nó. Nhưng thật ra, tôi không quan tâm gì đến chuyện phê bình cả và cũng không ngần ngại tiếp xúc với những lời phê bình ấy. Khi anh mới bắt đầu viết thì người ta chẳng để ý gì đến anh đâu. Đây là sự may mắn của lúc mới bắt đầu.

Hỏi: Ông có bao giờ lưỡng lự trước sự thất bại không?

Trả lời: Nếu anh lưỡng lự trước sự thất bại thì anh sẽ thất bại. Dĩ nhiên, nếu anh thất bại, thì anh phải lưỡng lự chuyện gì sẽ xảy ra, và anh phải lên kế hoạch tháo gỡ cho mình - nếu không thì anh quả là tối dạ - nhưng anh không tính trước được sự thất bại của việc mình làm đâu. Giờ đây tôi không muốn anh nghĩ là tôi không bao giờ bị đe dọa, nếu anh không kiềm chế được nỗi sợ của mình thì công việc sẽ không tiến triển được.

Hỏi: Ông có phác thảo một quyển sách trước khi viết hoặc ghi chép thật nhiều không?

Trả lời: Không, tôi cứ việc bắt đầu. Sự hư cấu thoát thai từ những kiến thức mà anh có. Nếu anh sáng tạo thành công, nó còn thật hơn cái mà anh cố nhớ lại. Cái dối lớn còn dễ chấp nhận hơn cả cái thật. Những người viết hư cấu, nếu họ không quá thiên về hư cấu, họ sẽ trở thành những kẻ nói dối rất thành công.

Hỏi: Ông đã viết được bao nhiêu cuốn sách?

Trả lời: Tôi nghĩ là mười ba cuốn. Bằng ấy chưa nhiều, nhưng tôi phải mất một thời gian dài cho một quyển sách và tôi

còn thích nghỉ ngơi giữa hai quyển. Hơn nữa, có quá nhiều chiến tranh và tôi phải bỏ việc viết lách của mình khá lâu.

Hỏi: Trong tiểu thuyết của mình ông có viết về bản thân không?

Trả lời: Nhà văn thì còn biết rõ ai hơn nữa?

Hỏi: Ông mất bao nhiêu năm, tháng để viết quyển Giã từ vũ khí?

Trả lời: Tôi bắt đầu viết vào mùa đông ở Paris và tiếp tục viết ở Cuba, ở Key West, Florida vào đầu xuân, rồi ở Piggott, rồi nơi ở của bố mẹ vợ tôi ở Arkansas; viết tiếp ở thành phố Kansas, nơi sinh một trong những thành cu nhà tôi và viết xong ở Big Horn, Wyoming vào mùa thu. Bản phác thảo đầu tiên mất tám tháng, năm tháng nữa viết lại, tất cả là mười ba tháng.

Hỏi: Ông có bao giờ thấy nản - ông có bao giờ bỏ dở một quyển sách không?

Trả lời: Nản thì có nản nhưng không thể bỏ dở được - cũng chẳng có cách nào khác. Ông Joe Louis đã nói rất hay là - anh có thể chạy nhưng anh không thể trốn.

Hỏi: Có bao giờ ông đưa nhân vật của mình vào một điểm bí mà họ không sao thoát ra được không?

Trả lời: à, anh cố tránh điều đó còn nếu không thì anh sẽ chẳng viết được nữa.

Hỏi: Tất cả những truyện này ông đều viết về châu Phi tại sao ông thích châu Phi đến thế?

Trả lời: Có vài đất nước anh rất yêu mến, nhưng có những nước anh không thể chịu đựng được. Tôi yêu châu Phi. Có mấy nơi ở Idaho này rất giống với châu Phi và Tây Ban Nha. Đó là lý do khiến nhiều người Basques đến đây.

Hỏi: Ông đọc rất nhiều phải không?

Trả lời: ừ, tôi đọc luôn. Trong ngày khi tôi không viết hoặc khi tôi không muốn nghĩ về nó, thì tôi đọc.

Hỏi: Ông có nghiên cứu những người thật cho tác phẩm của mình không?

Trả lời: Tôi sẽ không đi bất cứ nơi nào vì mục đích ấy; tôi chỉ đi nơi nào cuộc sống của tôi thôi thúc. Có những điều anh làm bởi vì anh thích, những điều còn lại anh làm vì bắt buộc. Trong khi làm những việc đó anh sẽ tìm thấy những người mà anh sẽ viết về họ.

Hỏi: Chúng cháu viết tiểu luận và truyện trong suốt thời gian ở trường. Việc đó hình như không khó lắm. Phải không ông?

Trả lời: Không khó tí nào cả. Tất cả những gì các bạn cần là một đôi tai hoàn chỉnh ở mức tuyệt đối, sự tận tụy với công việc như linh mục tận tụy với Chúa của mình, sự gan dạ của một tên trộm, chẳng bận tâm đến bất kỳ chuyện gì khác ngoài chuyện viết, và các bạn phải đắm mình trong đó. Điều đó thật đơn giản. Chẳng cần phải bận tâm gì cả. Nhiều người phải viết vì bắt buộc. Chẳng có luật lệ nào ngăn cấm cả, điều đó làm họ hạnh phúc trong khi viết, viết có thể an ủi họ. Nhưng những nhà văn bị bắt buộc này không nên viết. Nếu anh ta cứ làm, anh ta sẽ chịu số phận của một kiến trúc sư bị ép buộc, cuối cùng chỉ còn lại một mình như anh chàng thổi kèn fagót miễn cưỡng vậy.

Hỏi: Làm thế nào ông học được nhiều thứ tiếng thế?

Trả lời: Bằng cách sống ngay trong những nước ấy. Tiếng Latinh tôi được học ở trường đã giúp cho việc học ngoại ngữ dễ dàng hơn, đặc biệt là tiếng Italy. Tôi ở Italy gần như suốt cuộc chiến tranh thế giới lần thứ nhất, tôi học tiếng rất nhanh và nghĩ mình nói cũng khá tốt. Nhưng sau khi bị thương tôi phải dành nhiều thời gian bên cỗ máy xoa bóp, tập luyện cái chân bị thương, tôi kết bạn với một thiếu tá người Italy, người cũng đang điều trị bằng máy. Tôi nói với anh ta rằng tôi nghĩ tiếng Italy dễ học. Anh ta khen tôi nói tốt. Tôi bảo không đáng ngợi khen như thế vì thứ tiếng đó quá dễ học.

"Nếu vậy", anh ta nói, "anh nên học ngữ pháp". Vậy nên tôi bắt đầu học ngữ pháp Italy và tôi không nói trong nhiều tháng. Tôi nhận thấy để học tất cả những ngôn ngữ Rôman dễ hơn thì phải đọc báo - báo Anh vào buổi sáng và những thứ tiếng khác vào buổi chiều - đó là những tin tức sự kiện giống nhau nên nó đã giúp tôi hiểu được báo buổi chiều.

Hỏi: Sau khi viết xong một quyển sách, ông có đọc lại không?

Trả lời: Có. Hôm nay tôi đã đọc và viết lại bốn chương. Bạn buồn bực khi đang hăng hái, như một nhà hùng biện, và chữa lại khi đã bình tĩnh hơn.

Hỏi: Ông thường viết bao lâu?

Trả lời: Không quá sáu tiếng. Sau khoảng thời gian ấy thì bạn đã quá mệt và không còn sáng suốt nữa. Khi đang viết một quyển sách, tôi cố viết hàng ngày trừ thứ bảy. Tôi không làm việc vào thứ bảy. Làm việc vào thứ bảy thì thật xúi quẩy. Đôi khi tôi cũng cố làm nhưng vẫn rủi như trước.

Đào Thu Hằng dịch

(Trích từ cuốn *Papa Hemingway* của A. E. Hotchner, NXB Bantam books, New York, 1967).

"TÔI HỌC VIẾT BẰNG CÁCH XEM TRANH BẢO TÀNG"

Hillian ross

Sáng hôm sau, người mở cửa ngôi nhà Hemingway cho tôi là Patrick, một chàng trai trẻ tầm thước, thận thừng với đôi mắt to và khuôn mặt dễ xúc động. Cậu mặc chiếc quần thường bằng vải flanen, một chiếc sơ mi trắng hở cổ, giày đế bằng và bít tất Argyle. Bà Hemingway đang viết thư ở bàn. Khi tôi vào, bà nhìn lên và nói: "Ngay khi Papa mặc xong quần áo, chúng ta sẽ đi xem tranh." Bà quay trở lại với lá thư của mình.

Patrick nói với tôi rằng, cậu đã sẵn sàng dành cả ngày để xem tranh và cậu đã vẽ được mấy bức. "Bố phải quay lại đây để ăn trưa với ông Scribner", cậu nói, và nói thêm là bản thân cậu sẽ ở lại thành phố cho tới sáng hôm sau, khi vợ chồng Hemingway rời đi. Điện thoại reo, cậu cầm máy. "Bố, con nghĩ Gigi gọi cho bố đấy," cậu hét với vào trong phòng ngủ.

Hemingway xuất hiện, mặc chiếc sơ mi, đến bên điện thoại. "Khoẻ không, cậu bé?" ông nói vào máy rồi hỏi Gigi có xuống Finca vào kỳ nghỉ tới không. "Vui mừng được đón anh ở dưới này, Gigi ạ," ông nói. "Anh biết con mèo mà anh thích chứ? Cái con mà anh đặt tên là Smelly, đúng không? Chúng tôi đã đổi tên nó thành Ecstasy. Mỗi một con mèo của chúng tôi đều biết rõ tên của chúng." Sau khi gác máy, ông nói với tôi rằng Gigi là một tay súng cừ khôi - rằng khi mười một tuổi anh ta đã đạt giải nhì trong giải vô địch bắn súng của Cuba. "Đó có phải là "true gen" không Chuột nhất?" ông hỏi.

"Đúng đấy, bố ạ," Patrick nói.

Tôi muốn biết "true gen" nghĩa là gì, Hemingway giải thích đó là từ lóng tiếng Anh nghĩa là "thông tin", xuất phát từ "tình báo". "Người ta phân chia ra thành ba loại: tin tức, tin tức chính xác tức là thật như cô có thể tuyên bố và tin tức thực sự chính xác, là cái mà cô có thể tin cậy được", ông nói.

Ông nhìn những bông lan tương quân màu xanh. "Mẹ tôi không bao giờ gửi cho tôi bất cứ một bông hoa nào," ông nói. "Mẹ khoảng tám mươi tuổi", ông kể, "sống ở River Forest, Illinois". Cha ông, một thầy thuốc đã chết nhiều năm trước, cụt tự bắn mình khi Ernest hãy còn ở tuổi thanh niên.

"Chúng ta đi thôi nếu muốn xem tranh," ông nói. "Tôi đã bảo Charlie Scribner đến gặp tôi ở đây ngay. Xin lỗi vì đã tẩm lâu. Trong thành phố lớn, tôi cho là người ta chỉ kịp rửa cổ mà thôi". Ông quay trở lại phòng ngủ. Trong khi ông đi, bà Hemingway kể với tôi rằng Ernest là con thứ hai trong sáu chị em - Marcelline, rồi đến Ernest, Ursula, Madelaine, Carol và cậu em út Leicester, là em trai duy nhất của ông. Sáu chị em gái đều được đặt tên theo các thánh. Tất cả các anh chị em đều lập gia đình, Leicester hiện đang sống ở Bogata, Colombia, nơi ông làm việc trong đại sứ quán Mỹ.

Ngay sau đó, Hemingway trở ra, mặc một chiếc áo mới. Bà Hemingway và Patrick mặc áo khoác của mình, chúng tôi đi xuống cầu thang. Trời đang mưa, chúng tôi vội vã chui vào tắc xi. Trên đường đi đến trung tâm, Hemingway nói chỉ âm ừ trong miệng và nhìn đường phố. Bà Hemingway nói với tôi rằng ông luôn bị khó chịu trong xe tắc xi và ông không thể ngồi ghế trước để quan sát con đường trước mặt Ông nhìn ra ngoài cửa sổ và chỉ một đàn chim đang bay ngang qua bầu trời. "ở trong thành phố này, chim bay nhưng nào có bay biếc gì đâu," ông nói. "Cái lũ chim New York chỉ thạo leo trèo."

Khi chúng tôi vào cổng bảo tàng, một đoàn học sinh đang di chuyển chậm chạp. Hemingway sốt ruột dẫn chúng tôi vượt qua bọn trẻ. Trong hành lang, ông dừng lại, lôi một cái chai bạc dẹt từ trong túi áo khoác, vặn nắp và uống một hơi dài. Đút cái chai dẹt vào lại trong túi áo, ông hỏi bà Hemingway xem bà muốn xem tranh Goya trước hay Breughel trước. Bà đáp Breughel.

"Tôi học viết bằng cách xem tranh trong Bảo tàng Luxembourg ở Paris," ông nói. "Tôi chưa bao giờ học cái gì cao hơn trung học. Khi bạn đói mà Bảo tàng thì vắng vẻ, bạn cứ đến đó. Xem," ông nói lúc dừng chân lại trước bức "Chân dung người đàn ông," bức tranh được cho là của Titian và Giogione. "Họ là những cậu bé Viên già cõi, quả là như thế."

"Đây là bức con thích bố ạ," Patrick nói và Hemingway đi theo con trai mình đến bức "Chân dung Fedirigo Gonzaga" (1500 - 1540) của Francesco Francia. Bức tranh thể hiện, trên nền phong cảnh, một thằng bé con có mái tóc dài và một chiếc áo choàng không tay.

"Đây là những gì chúng ta cố làm khi chúng ta viết, Chuột nhắt ạ", Hemingway nói, chỉ vào những cái cây phía sau. "Chúng ta luôn luôn tái hiện cái này trong khi chúng ta viết."

Bà Hemingway gọi chúng tôi. Bà đang xem bức "Chân dung nghệ sĩ" của Van Dyck. Hemingway nhìn bức tranh, gật đầu tán thưởng và nói, "ở Tây Ban Nha chúng tôi quen một phi công lái máy bay chiến đấu tên là Whitey Dahl, một lần Whitey đến gặp tôi và hỏi: Ngài Hemingway, Van Dyck là họa sĩ nổi tiếng phải không, tôi bảo: "Đúng đấy, ông ta là một họa sĩ nổi tiếng. Anh ta bảo, ô, tôi rất vui, bởi vì tôi có một bức tranh của ông ta trong phòng và tôi rất thích nó, tôi rất vui khi được biết ông ta là họa sĩ nổi tiếng bởi vì tôi thích ông ta." Ngày hôm sau, Whitey bị bắn hạ."

Tất cả chúng tôi đi về phía bức tranh "Chúa chiến thắng tội lỗi và cái chết" của Rubens. Hình Chúa bị bao vây bởi những con rắn, những thiên thần và bị theo dõi bởi một ai đó ẩn trong đám mây. Bà Hemingway và Patrick nói rằng, họ nghĩ nó không giống phong cách vẽ thông thường của Rubens.

"Ồ, ông ta vẽ bức ấy được quá", Hemingway nói vẻ quả quyết. "Khả năng xét đoán của con người thực sự chỉ như những gì một con chó săn chim có thể mách bảo. Cứ nghĩ chúng đi. Hoặc cứ sống với một họa sĩ nghèo nhưng rất nổi tiếng."

Dần dần chúng tôi đến phòng tranh của Breughel. Chúng tôi phát hiện ra nó đã đóng cửa. Cánh cửa có dính một tấm bảng "Hiện đang sửa chữa".

"Họ tước đi điều thích thú của chúng ta rồi," Hemingway nói và tợp một ngụm khác từ cái chai dẹt của mình. "Tôi chắc chắn là mình nhớ bức kiệt tác của Breughel," ông nói khi chúng tôi đi qua. "Đó là một bức tranh vĩ đại, vẽ những người thợ gặt. Có rất nhiều người đang gặt lúa nhưng ông vẽ lúa theo kiểu tượng trưng, bức tranh tạo nên một xúc cảm mà đối với tôi, nó mạnh mẽ đến mức không thể chịu đựng được." Chúng tôi đi tới bức "Phong cảnh Toledo" màu xanh của El Greco và đứng xem khá lâu. "Đối với tôi đây là bức tranh đẹp nhất trong Bảo tàng, và Chúa biết ở đây còn vài bức đáng yêu nữa." Hemingway nói.

Patrick ngưỡng mộ vài bức tranh mà Hemingway không tán thành. Mỗi lần xảy ra điều này, Hemingway thường bị lâm vào rắc rối khi tranh luận về kỹ thuật hội họa với con trai mình. Patrick sẽ lại lắc đầu, cười lớn và nói cậu ta tôn trọng những quan điểm của Hemingway. Cậu không tranh cãi nhiều. "Mẹ kiếp!" Hemingway đột nhiên nói. "Tôi không muốn trở thành nhà phê bình nghệ thuật. Tôi chỉ muốn xem tranh, cảm thấy hạnh phúc với chúng, học hỏi từ chúng. Đây, theo tôi đây là một bức trác tuyệt." Ông đứng quay lưng lại và nhìn chăm chú vào bức tranh của Reynolds mang tựa đề "Đại tá George Coussimakes," bức tranh vẽ đại tá đang tựa lưng vào một thân cây và cầm cương chú ngựa của mình. "Đây, lão đại tá này là đồ chó đẻ, lão sẵn sàng trả tiền cho họa sĩ vẽ chân dung đẹp nhất trong thời của lão để vẽ lão", Hemingway nói và cười gằn. "Hãy nhìn sự kiêu ngạo của người đàn ông, sức mạnh nơi cổ con ngựa và cái cách gác chân của lão ta. Lão quá kiêu ngạo khi thoải mái dựa vào thân cây."

Chúng tôi đi riêng lẻ và xem một lúc rồi Hemingway gọi chúng tôi đến, chỉ vào bức tranh đã được đính chú thích bằng những chữ to "Catharine Lorillard Wolfe" và những chữ nhỏ "họa sĩ Cabanel". Đây là điểm mà khi còn là một đứa trẻ ở Chicago tôi bị nhầm lẫn," ông nói. "Những họa sĩ tôi yêu thích trong một thời gian dài là Bunte và Ryerson, hai người này thuộc những dòng họ lớn nhất và giàu có nhất ở Chicago. Tôi luôn nghĩ những cái tên viết bằng chữ lớn là tên họa sĩ."

Sau đó chúng tôi tới xem Cézanne, Degas và những nhà ấn tượng chủ nghĩa khác, Hemingway mỗi lúc một hào hứng hơn và thuyết trình về những gì mà mỗi một nghệ sĩ có thể làm, cách thức

và những điều mà ông học được từ mỗi người. Patrick thành kính lắng nghe và dường như không muốn nói tới kỹ thuật hội họa chút nào nữa. Phải mất đến vài phút để Hemingway quan sát bức "Núi - rừng Fontainbleau" của Cézanne. "Đây là điều chúng ta cố làm trong khi viết, cái này, cái này, rừng và núi chúng ta phải vượt qua," ông nói. "Cézanne là họa sĩ của tôi, sau những họa sĩ khai sáng phi thường ông là họa sĩ phi thường, Degas cũng là họa sĩ phi thường. Tôi chưa bao giờ thấy một bức xấu nào của Degas. Cô có biết Degas làm gì với những bức tranh xấu không? Ông ta đốt chúng."

Hemingway uống một ngụm nữa từ cái chai dẹt của ông. Chúng tôi đến bên bức chân dung Mlle màu tùng lam của Manet. Valtesse de la Bigne, một phụ nữ trẻ với búi tóc hoe vàng trên đỉnh đầu. Hemingway yên lặng một lúc, ngắm bức tranh: cuối cùng ông quay đi. "Manet có thể diễn tả được con người thanh xuân khi người ta vẫn còn trong trắng và trước khi họ vỡ mộng," ông nói.

Khi chúng tôi đi cùng nhau, Hemingway nói với tôi, "tôi có thể dựng được một phong cảnh như ông Paul Cézanne. Tôi học cách tả cảnh từ danh họa Paul Cézanne bằng cách đi khắp Bảo tàng Luxembourg hàng ngàn lần với cái bụng rỗng và tôi dám chắc nếu ngài Paul ở đây thì ông ta sẽ thích cách tôi tả cảnh và hạnh phúc vì tôi học điều đó từ ông ta." Ông cũng học rất nhiều từ Johann Sebastian Bach.

"Trong những đoạn đầu của Giã từ ..., tôi dùng từ và một cách cố ý liên tục. Giống như cách ngài Johann Sebastian Bach sử dụng một nốt nhạc khi ông ta soạn đối âm. Đôi khi hầu như tôi có thể viết như ngài Johann - này, dù sao hẳn ông ta cũng thích điều đó. Tất cả những người như thế đều dễ giao thiệp, bởi vì tất cả chúng ta đều biết con người ta cần phải học."

"Bố, nhìn này," Patrick nói. Cậu ta đang xem bức "Mối suy tư về xúc cảm" của Carpaccio. Patrick nói trong đó có quá nhiều con vật lạ đối với một bức tranh về tôn giáo.

"Hừ!" Hemingway nói. "Những họa sĩ đó luôn đặt những cảnh thánh thần vào những miền ở Italy mà họ thích nhất, hoặc vào quê hương họ hay quê hương của những cô nàng của họ. Họ

biến những cô nàng của mình thành Đức Mẹ Maria. Lẽ ra cảnh này đòi hỏi phải ở Palestine, mà Palestine thì còn xa mới tới, ông ta chỉ tưởng tượng thôi. Nên ông ta vẽ trong đó một con vẹt đỏ, một con hươu, một con báo. Và rồi ông ta nghĩ, đây là miền Viễn Đông và thế là đã xa lắm. Nên ông ta vẽ vào đó những người Maroc theo truyền thống thù địch của dân thành Vónidơ". Ông ngừng lời và quan sát để xem xem tác giả còn vẽ gì nữa trong bức tranh của mình. "Rồi ông ta bị đói, nên ông ta vẽ vào đó những con thỏ," ông nói. "Mẹ kiếp, Chuột nhất ạ, chúng ta đã xem rất nhiều kiệt tác. Chuột à, con có nghĩ hai tiếng là khoảng thời gian dài để xem tranh không?".

Tất cả mọi người đều đồng ý hai tiếng là khoảng thời gian dài để xem tranh nên Hemingway nói rằng chúng tôi sẽ bỏ qua Goya, rằng chúng tôi sẽ quay lại Bảo tàng khi từ châu Âu trở về.

Đào Thu Hằng dịch
từ Hemingway: A Collection of critical Essays
của R. P. Weeks Prentice Hall, Inc, USA, 1962

NGƯỜI Ở TUỔI SÁU MƯƠI

Carlos Baker

Vào năm sáu mươi tuổi, Ernest quyết định dành thời gian tiêu khiển. Năm thứ năm chín đã quá đỗi bận rộn với kỹ luật viết lách và ăn kiêng đến nỗi bây giờ anh nói về khoảng thời gian đó như thể "chẳng hề nghỉ ngơi tí nào mà chỉ có công việc". Đi chơi không có nghĩa là nhất thiết phải ngừng viết. Tình hình thế giới "căng thẳng" hàng ngày thuyết phục anh rằng viết lách là "việc làm tích cực duy nhất" mà con người có thể làm. Hơn bao giờ hết, anh đang vội bởi cảm giác thời gian dần ngán đi và anh không thể lãng phí dầu chỉ một tiếng đồng hồ. Nhưng Cuba dường như không còn thích hợp để thư giãn và sáng tạo. Anh bảo anh sẽ không ở thêm một mùa hè nữa ở đó cho dù mình có thể chịu đựng được. Sau một mùa đông bão tố kỳ lạ, một đợt sóng nhiệt dai dẳng đã tràn vào. Biển tẻ nhạt và nổi váng dầu, ban ngày thì như thể bị nung trong lò điện, còn ban đêm thì chẳng mát mẻ gì hơn lúc giữa trưa.

Anh khao khát được hít thở lại bầu khí trong lành của miền núi phía Tây. Lloyd Arnold tìm thấy một ngôi nhà thích hợp để thuê ở Ketchum và Ernest mời Betty và Otto Bruce đi cùng. Mary và Betty đáp máy bay đến Chicago và các ông chồng sẽ đón họ vào đầu tháng mười. Chiếc xe được chất đầy hành lý và Ernest đã bị cuốn hút bởi cảnh vật miền quê. Suốt hành trình từ Iowa qua Nebraska đến Wyoming anh ngắm và nhận dạng lũ chim anh bắt gặp và vẫn giữ được kỉ lục về khả năng am hiểu động vật hoang dã. Anh luôn bảo dừng xe ở các quầy thực phẩm tại những thành phố nhỏ để mua táo, pho mát và hoa quả dầm mà sau đó được anh rửa bằng rượu Scotch pha chanh tươi. Họ nghe chương trình World Series qua radio trên xe. Khi bài quốc ca được cử lên, Ernest bỏ chiếc mũ vải đang đội xuống ép chặt vào ngực với cung

cách yêu nước khô hài. Tin tức về cái chết của Giáo hoàng Pius XII thường chen vào chương trình phát thanh. Mỗi lần xảy ra điều đó, Ernest lặng lẽ làm dấu thánh. ở Iowa, họ vạch lộ trình qua Parkersburg, quê của Pauline và qua Dyersville, nơi cụ của Ernest là Alexander Hancock đã ở vào 1854.

Tại một thành phố nhỏ ở Nebraska, họ dừng lại ăn món bít tết tối trong một nhà hàng duy nhất ở vùng đó. Cô hầu bàn bảo rằng mấy đứa con của ông quản lý nghĩ cái ông râu rậm to lớn ấy là một người nổi tiếng. "Bác là ai nào?" Ernest hỏi. "Là Burl Ives ạ," bọn trẻ con đáp. Anh lấy làm thú vị. Sáng hôm sau, vào lúc ăn sáng anh nói cho bọn trẻ biết anh là ai và vui lòng ký vào bảng thực đơn cho cô hầu và bọn trẻ. Tại Sheridan thuộc Wyoming, họ vào quán rượu chuẩn bị cho đoạn đường vượt qua Bighorns đến Cody. Tất cả những người trong quán đang xem chương trình World Series trên TV. Một người trong số họ nhìn ra. "Xem kìa, lão Hemingway đang đến kia kìa," anh ta nói với vẻ chế nhạo và khiêu khích. Nhưng Ernest đã từng quen với nhiều trò khiêu khích như thế trước đây. Chưa đầy hai phút sau, anh được những người hâm mộ vây đông nghẹt, bắt tay và vỗ vỗ vào lưng. ở Cody tối ấy, họ tạt vào quán ăn sạch sẽ, dễ chịu bên đường. Nhưng Ernest không chịu ăn. Quán đó có cái gì đấy làm anh khó chịu, anh bị ám bởi sự hoài nghi ấy mạnh đến nỗi họ phải tìm đến quán khác.

Họ được đón tiếp nồng nhiệt tại Ketchum bởi những bạn bè: Taylor Williams, Pappy và Tillie Arnold, Clara Spiegel, Chuck và Flossie Atkinson, Forrest, Mac Mullen, Don Anderson và bác sĩ George Saviers. Đại tá già Williams đang trong tình trạng sức khoẻ suy yếu và điếc hơn trước. Bác sĩ Saviers đã được điều đến bệnh viện Thung lũng Mặt trời phục vụ trong năm năm và Don Anderson, một người cao dỏng lạng lẽ, tuổi ba sáu đã làm giám đốc cung thể thao thung lũng Mặt trời vào năm thứ năm. Gia đình Atkinson đã mở một trung tâm kinh doanh mới và một tiệm ăn tại thiên đường của những con bạc ngày trước, sòng bạc Christiania. Gần đây, ngay giữa trung tâm thị trấn, là ngôi nhà gỗ mà gia đình Arnold đã tìm cho Hemingway. Họ ở đó, chờ đợi ngày mở đầu mùa săn. Ernest than phiền chuyện mỗi mệ do chuyến đi và tất cả mọi người giạt mình vì sự thay đổi về ngoại diện lẫn tính cách của anh.

Nhưng tinh thần của anh đã phấn chấn trở lại ngay sau bữa tối với một trong những con gà của nhà Tillie Arnold. Anh cởi áo jacket, ôm con mèo Thái Lan lớn nhảy điệu van quanh phòng và làm mọi người cười vang với những bài hát sai nhịp theo lối nhại thơ. Anh không vội bắt tay vào việc ngay và vẫn đang cẩn thận với những món ăn kiêng. Nhưng anh cho biết bầu không khí khô ráo trong lành nơi này đang làm cho anh cảm thấy "giống như thời kỳ khoẻ nhất của những ngày trước".

Sau khi vợ chồng Bruce ra đi, anh bắt đầu đi săn mỗi ngày. Suốt hai năm sau tai nạn Butiaba, anh không thể bắn đuổi theo chim đang bay. Bây giờ phản xạ của anh đã nhanh trở lại và tâm ngắm bắn cũng đã được cải thiện nhiều. Cùng với Don Anderson (người anh vẫn gọi là: "chú nhóc"), và Forrest Mac Mullen (biệt danh "quận công"), anh dành hàng tiếng đồng hồ rình săn chim trên đồng cỏ hoặc dọc theo sông. Don quả quyết hơn bao giờ hết, trừ Taylor Williams, Ernest là người bắn đôn đầu giỏi nhất mà anh biết. Tính đến dịp Lễ Tạ ơn anh đã hạ được sáu đôi và sáu con vịt đực đầu xanh. Mặc dù mọi người đều biết rõ rằng những ổ chim non mùa xuân rất dồi dào nhưng chẳng có ai trong gia đình Hemingway lại chuẩn bị tinh thần chứng kiến một số lượng gà lôi, chim chóc nhiều vô kể như thế. Chúng mập ú, Ernest hào hứng nói, như thể lũ sóc thường ở dưới vùng đất thấp ở Piggott.

Tuy đã mãn nguyện với "gia đình" Ketchum của mình nhưng anh vẫn mời ba người khách đến vào tháng mười một. Một người là dịch giả dịch sách anh ra tiếng Ba Lan tên là Bronislaw Zielinski mà anh đặt ngay biệt danh là "Sói già" và "Cực điện tử". Cuộc viếng thăm của anh ta là kết quả của việc đoạt giải thưởng 1.000 đô la từ Ernest dành cho người dịch Những ngọn đồi xanh châu Phi sang tiếng Ba Lan xuất sắc nhất vào năm 1959. Vị khách thứ hai là Aaron Hotchner, người đang chuyển thể Chuông nguyện hồn ai thành kịch bản truyền hình. Trong lúc anh ta ở đó, Ernest làm việc suốt buổi sáng rồi buổi chiều đưa anh ta đi săn, hướng dẫn những nguyên tắc cơ bản khi bắn đôn đầu. Họ đưa nhau đến Hailey để Ernest trả lời những câu hỏi về việc sáng tác của mình mà nhóm học sinh ở Giáo hội Thiên chúa giáo nêu ra. Hotchner ghi lại những gì Ernest nói và sau vài tháng bán cho tạp chí This Week. Người khách thứ ba là Gary Cooper, vẫn say mê thung lũng

Mặt trời suốt hai mươi năm nay. Một ngày tuyết rơi dày, anh mang một con ngỗng hun khói đến, họ ngồi suốt cả buổi chiều, kể chuyện trò bên bếp lửa trong lúc ăn thịt ngỗng và uống Chablis. Cooper nói, anh ta đã đầu hàng trước lời thúc giục của chị vợ xui anh vào Giáo hội Thiên chúa giáo. Ernest bày tỏ sự thông cảm. Ba mươi năm trước, anh đã làm điều tương tự như thế và anh vẫn "tin vào đức tin".

Tình hình ở Cuba là mối lo ngại thường trực. Anh cố quên mối lo bằng cách viết lại nhiều phần cuốn hồi kí về Paris và chữa chương ba cuốn Vườn Eden. Nhưng tâm trí anh vẫn trĩu nặng lo âu về hòn đảo đã nhận anh làm người cư trú chẳng mấy nữa sẽ bị chìm trong khói lửa nội chiến. Anh cực kỳ hài lòng vào đầu tháng giêng khi Fulgencio Batista chạy trốn đến Ciudad Trujillo trong lúc đội quân của Fidel Castro chiếm được thủ đô. Herbert Matthews viết thư báo trang trại Finca an toàn. Còn René Villereal gọi điện báo mọi chuyện đều ổn chỉ có thực phẩm thì rất khan hiếm. Vụ nổ kho đạn ở Guanabacoa đã làm vỡ vài tấm kính cửa sổ và làm hỏng một phần mái nhà. Jaime Bofils, một người Cuba vui tính, nhỏ con, mà Ernest đã quen nhiều năm nay, gọi điện thông báo rằng anh ta được cử vào chính phủ lâm thời và đang đứng ra bảo vệ trang trại. Một tin vui nữa là bác sĩ Herrera, từng quen với Fidel Castro trong thời gian học ở trường Y khoa, là sĩ quan chỉ huy đơn vị đồn trú ở Havana, quê ở San Francisco de Paula, trước đây từng chơi trong đội bóng của làng khi Ernest là cầu thủ ném bóng.

Dĩ nhiên là có nhiều máu đổ. Hàng chục thanh niên ở San Francisco de Paula và làng Cotorro bên cạnh đã bị bắt, giết và ném xác xuống biển bởi cảnh sát mật của Batista. Thêm vào đó, gã trung sĩ Batista, kẻ đã bắn chết con chó Machakos vào tháng tám đã bị treo cổ vào tháng mười một "với một phần thân thể bị cắt mất như thường lệ" bởi mấy thanh niên ở Cotorro. Bởi là người từng theo dõi nhiều cuộc cách mạng, Ernest quan niệm bất cứ một thay đổi nào ở Cuba cũng đều tốt hơn là không thay đổi. Tập đoàn Batista đã vơ vét trụi hòn đảo giàu có này, Ernest phỏng đoán ông ta đã kiếm được khoảng từ 600 đến 800 triệu đô la. Nếu Castro có thể điều khiển một chính phủ trong sạch thì thật là vĩ đại, nhưng ông ta vẫn đang đau đầu với khoản tiền bị mất lớn như thế. Một

vài công ty của Mỹ, giống như công ty Hoa quả thì được quản lý tốt và có trách nhiệm: còn những công ty khác thì hoặc là "móc ngoặc" với Batista hoặc ở trong tình trạng "suy sụp". "Tôi ước Castro gặp nhiều may mắn," Ernest nói. "Người Cuba bây giờ đã có cơ hội tốt mà trước đây chưa từng có." Điều tiếc nuối duy nhất của anh ta là đã không được tận mắt chứng kiến cuộc tháo chạy của Batista.

Lê Huy Bắc dịch
từ cuốn Ernest Hemingway, a life story,
NXB Penguin Books, Britain, 1972

Tailieu.vn

ANH TRAI TÔI, HEMINGWAY

Leicester Hemingway

Ernest Hemingway là nhà văn, là quân nhân may mắn, là thợ săn của những cuộc săn lớn, ngư dân của biển khơi và là người say mê đấu bò. Ernest là của tất cả những thứ ấy. Nhưng anh còn là anh trai duy nhất của tôi. Ngày tôi vừa chập chững, anh chăm sóc tôi chu đáo và gọi yêu tôi bằng cái tên "ngôi nhà có chân". Về sau anh đổi tên gọi thân mật của tôi thành "Nam tước". Anh dạy tôi bắn súng, câu cá và đánh nhau nhiều hơn ba dạy.

Một buổi chiều yên tĩnh sau Chiến tranh thế giới lần thứ hai, trong lúc chúng tôi ngắm mặt trời lặn bên kia Havana, Ernest nói về cuộc đời, về những điều khiến người ta trở thành người tốt. Chúng tôi cùng cười bởi nhiều chi tiết mà những người ngoài gia đình viết về cuộc đời của anh.

"Lạy Chúa, Nam tước này," cuối cùng anh nói, "anh muốn một ngày nào đó có người, người biết rõ anh, sẽ viết một cuốn sách về anh. Có lẽ em sẽ là người ấy. Bởi gia đình Huxley đã làm tốt điều đó, anh em nhà James cũng vậy - đặc biệt là Frank Jesse."

Thời gian đã qua rất lâu kể từ ngày ấy. Nhưng Ernest thì chẳng bao giờ nhắc lại những gì mình đã nói. Trong khoảng thời gian ấy, nhiều tác phẩm viết về Ernest bởi các học giả, các nhà làm tuyển tập, các nhà báo và những người trông nom đạo lý công chúng cảm phần một cách đáng tiếc và sai lầm, khôi hài đến nỗi chẳng luận ra được đâu là phải trái. Chỉ có ít nhà văn là công bằng và không phạm sai lầm.

Ernest là một trong số những nhà văn hiếm hoi có phong cách thực sự khác biệt. Anh có địa vị vững chắc trên văn đàn thế giới với tư cách là một nhà văn tài ba. ở anh cũng có tính trọn vẹn kỳ lạ, cả về cảm xúc lẫn năng khiếu thẩm mỹ, điều đó được thể

hiện rõ với bất kỳ ai đọc sách anh hay hiểu rõ anh. Nhưng thực ra, anh chỉ là một cậu bé của Chúa bị vây phủ bởi những cuồng loạn rối rắm của các vấn đề cá nhân và xã hội mà hoặc là bị lãng quên hoặc là không được chú ý đến bởi đa số các nhà nghiên cứu tác phẩm hay cuộc đời anh.

Là em của Ernest, đã nhiều lần tôi được hỏi về sự hiểu biết của bản thân trước cuộc đời và tính cách anh. Những ý niệm lơ mơ kia có thể được xem như những chi tiết đáng lưu ý trong cuốn tiểu sử của anh, bởi vì cuộc đời ấy phong phú đến nỗi muốn xác định một số chi tiết cụ thể nào cũng dường như là không thể. Ernest đã có lần nói châm biếm rằng, "một câu chuyện thật về cuộc đời của một người có thể sẽ bao gồm mọi thứ đã xảy ra với hắn ta và xung quanh hắn ta trong suốt hai mươi bốn tiếng đồng hồ của năm mươi năm."

Ernest sống như anh đã chết - đầy cuồng nộ. Anh cực kỳ ngưỡng mộ lòng quả cảm. Suốt đời mình anh chìm trong nó, phát triển và dạy những người khác nhiều điều về lòng quả cảm ấy. Và lòng quả cảm của chính anh thì không bao giờ lìa xa anh. Những gì cuối cùng đã khiến anh chịu thua chính là thân xác anh. Điều này có thể xảy ra với bất kỳ ai.

Buổi sáng cuối cùng của ngày mùng hai tháng bảy ấy. Khi anh thực hiện hành động cuối cùng của đời mình và khi anh vượt ve lần cuối khẩu súng săn nạm bạc hai nòng cỡ 12 Richardson thì chẳng có ai chứng kiến chính xác cách chết của anh. Có thể thực sự là "cái cách tai nạn tình cờ xảy ra" như người vợ góa Mary nói với các nhà báo sau khi tin về cái chết của Ernest truyền đi.

Trong bầu không khí của cái chết ấy, Ernest đã tạo nên một huyền thoại, điều mà anh lúc sinh thời đã không bao giờ đưa vào trang sách của mình - một cuộc đời luôn liên quan đến cái chết và bạo lực, nhạy cảm và nhân tạo, trò đùa và sự thật.

Khi tin tức về cái chết của Ernest truyền trên đài phát thanh và truyền hình khắp cả nước vào khoảng trưa của buổi chủ nhật cuối cùng ấy, ba con trai của Ernest đang bận ba việc khác nhau. John đi câu cá hồi ở Oregon, Patrick đang trong chuyến săn safari với một khách hàng ở Đông Phi thuộc Anh và Gregory đang ở thư viện y khoa, chuẩn bị cho kỳ thi giữa mùa hè ở Miami. Còn tôi thì

đang lội bì bõm trong bãi tắm Florida Keys, dạy cô con gái nhỏ tập bơi. Chẳng ai trong số chúng tôi nhận được tin cho đến tận chiều muộn khi bạn bè, họ hàng và các phương tiện truyền thông đã bắt kịp chúng tôi. Chị cả Marcelline ở Detroit, Ursula ở Honolulu, Madelaine ở hồ Walloon thuộc Michigan, còn Carol thì ở tận Long Island. Tất cả nhận được tin vào buổi tối, việc lo tang ma đã được tiến hành với sự giúp đỡ của Pop Arnold, bạn Ernest ở Ketchum, Idaho và dự định cử hành tang lễ vào thứ tư tuần sau. Nhưng khi phát hiện ra Patrick không thể về trước tối thứ tư, dẫu cho có đi loại máy bay tốt nhất từ châu Phi sang châu Âu, lễ đưa tang được hoãn lại thứ năm.

Một ngày sau khi Ernest qua đời, nhiều điện chia buồn được phát đi bởi Vatican, Nhà trắng và Kremlin như những thông báo toàn cầu. Trước đó chưa từng có bất kỳ một nhà văn nào sau khi mất được theo dõi chia buồn như thế. Toàn bộ thế giới sẽ bàng hoàng trước việc cả nhân loại cảm nhận được sự mất mát trước con người này.

*
* *

Giữa mùa hè, những ngọn núi Sawtooth đang ở vào độ xanh nhất. Tại những rặng núi cao hơn tuyết vẫn bám suốt mùa nóng. Nhưng dưới thung lũng Mặt trời, cả đồng cỏ rợp trời vào tháng bảy và dòng sông Wood lùa những chú cá hồi tê lạnh xuống một trong những đường viền chân đồi lượn sóng mịn màng cũ kĩ của rặng Rockies ấy.

Giữa Heiley và Ketchum, cách chừng mười dặm, thung lũng hẹp dần từ hai dặm xuống còn hơn nửa dặm. Dọc theo mé phía Tây, núi như gập nhau hơn và những rặng cây dày đánh dấu bờ của dòng sông. Chỉ ngay bên ngoài Ketchum là ngôi nhà hai tầng nơi Ernest Hemingway sống và làm việc suốt những năm cuối đời. Ngôi nhà có màu gỗ tự nhiên như nhiều ngôi nhà trong khu vực thể thao mùa đông này. Nhưng ngôi nhà của Ernest lại nằm trên bờ Tây của dòng Wood và có nét khác lạ. Thay vì đón ánh hoàng hôn như hầu hết các ngôi nhà ở Ketchum thì nó lại quay mặt đón ánh bình minh.